TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:04/2019/DS-PT
Ngày 02/4/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Loan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường;

Bà Hoàng Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Long– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cháng Xín T, tên gọi khác (Cháng Văn T) sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt;

*2. Bị đơn:*Anh Đào Văn D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nhè Văn A. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt;

4. Người làm chứng: Anh Cháu Văn T. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt;

5. Người kháng cáo: Bị đơn anh Đào Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2018, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Cháng Xín T trình bày: Vào ngày 11/01/2017 anh có cho anh Đào Văn D trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang vay số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 năm đến ngày 11/01/2018 anh D phải có trách nhiệm thanh toán cho anh số tiền trên, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, nhưng đến ngày 22/3/2018 anh đến đòi thì anh D lại xin gia hạn và cam đoan sẽ trả cho anh vào ngày 24/4/2018 nhưng đến nay anh D vẫn không chịu trả, anh có đòi thì anh D xin khất lần này đến lần khác, việc vay nợ giữa anh và anh D có viết giấy vay tiền lập ngày 11/01/2017 có sự chứng kiến của anh Cháu Văn T - sinh năm 1993 trú tại: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh H. Do đó, anh Cháng Xín T đã khởi kiện anh D và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D phải trả lại cho anh số tiền là 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*, anh không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản ghi lời khai ngày 11/10/2018 và phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Đào Văn D trình bày: Vào ngày 11/01/2017 anh có vay của anh Cháng Xín T số tiền 200.000.000 đồng không có thỏa thuận về lãi suất, hai bên có viết giấy vay tiền ghi ngày 11/01/2017, số tiền mà anh vay của anh T đã được thanh toán trả cho anh T bằng hình thức trả theo yêu cầu của anh T chuyển vào số chứng minh nhân dân (sau đây viết tắt là CMND) của anh Nhè Văn A tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Y, tỉnh Hà Giang. Anh D khai, anh không quen biết gì với anh Nhè Văn A, nay anh Cháng Xín T yêu cầu anh phải trả 200.000.000 đồng, anh không nhất trí vì số tiền này anh đã trả cho anh T qua số chứng minh nhân dân tại Ngân hàng của anh A theo yêu cầu của anh T. Tại phiên tòa sơ thẩm anh D đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án để anh yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều tra vụ việc.

Tại bản ghi lời khai ngày 26/9/2018 và phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nhè Văn A trình bày: Anh và anh Đào Văn D quen biết nhau có mối quan hệ là bạn bè, vào khoảng tháng 11/2016 anh có cho anh D vay một khoản tiền là 200.000.000 đồng vì anh D bảo có việc cần và chỉ vay trong thời gian ngắn vài tháng thì anh D sẽ trả cho anh, vì tin tưởng nên anh đã cho anh D vay số tiền trên, đến ngày 11/5/2017 anh D mới chuyển trả cho anh số tiền 200.000.000 đồng qua số chứng minh nhân dân của anh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Y, tỉnh H, đây là khoản vay riêng giữa anh và anh D. Nay, Tòa án huyện Y triệu tập anh đến để làm rõ số tiền anh D vay của anh Cháng Xín T 200.000.000 đồng, anh hoàn toàn không biết và không liên quan gì đến việc vay nợ giữa anh D và anh Cháng Xín T, anh cũng không được anh T nhờ chuyển số tiền 200.000.000 đồng do anh D chuyển trả cho anh T qua số chứng minh nhân dân của anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 26/9/2018, người làm chứng anh Cháu Văn T khai: Anh và anh Cháng Xín T có mối quan hệ là bạn bè cùng xóm với nhau, còn đối với anh

Đào Văn D thì anh không quen biết chỉ biết anh D là người vay tiền anh T, đối với anh A là người cùng xóm, việc anh T cho anh D vay tiền thì anh biết và được chứng kiến, những lần làm giấy tờ vay mượn và làm lại giấy tờ tiền thì anh đều đi cùng anh T và gặp anh D để ký vào giấy biên nhận vay tiền, giấy vay tiền ghi ngày 11/01/2017 thì anh có được chứng kiến và ký nhận vào giấy vay tiền đó, còn mối quan hệ giữa anh D và anh A thì anh không biết và không được chứng kiến việc anh D và anh A thực hiện giao dịch nào.

Tại Bản án số 03/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018, Toà án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Đòi tài sản"* của anh Cháng Xín T (Cháng Văn T).

- Buộc anh Đào Văn D, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh H phải có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)* cho anh Cháng Xín T (Cháng Văn T), địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2018, bị đơn anh Đào Văn D có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân huyện V. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không thay đổi nội dung kháng cáo, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất những nội dung sau: Ngày 11/01/2017, anh T có cho anh D vay số tiền 200.000.000đ, không có lãi suất, anh D đã nhận đủ số tiền 200.000.000đ của anh T; việc anh T cho anh D vay 200.000.000đ hai bên có làm giấy vay tiền, có người làm chứng là anh Cháu Văn T. Toàn bộ nội dung trên Giấy vay tiền do anh D là người viết.

Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất về việc trả nợ tiền vay, cụ thể: Anh T khai, kể từ ngày cho anh D vay tiền cho đến nay anh D chưa trả cho anh T số tiền 200.000.000đ. Bị đơn anh D khai, anh D đã trả cho anh T số tiền 200.000.000đ thông qua số Chứng minh nhân dân của anh A tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện V, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

1. Về chấp hành pháp luật tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Đào Văn D là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đào Văn D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/ST-DS ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

Về án phí: Anh Đào Văn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Cháng Xín T, tên gọi khác (Cháng Văn T) địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang khởi kiện bị đơn anh Đào Văn D, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh H theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang; thủ tục xem xét và thụ lý đơn khởi kiện, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và tổ chức phiên hòa giải cho các bên đương sự của cấp sơ thẩm đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa ngày 29/11/2018, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt, vắng mặt người làm chứng anh Cháu Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; không ai đề nghị hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt người làm chứng. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng anh Cháu Văn T và được đối chất lời khai giữa các bên đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 13/12/2018, bị đơn anh Đào Văn D có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân huyện V. Anh D đề nghị cấp phúc thẩm xem xét. Đơn kháng cáo của anh Đào Văn D là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nhè Văn A, người làm chứng anh Cháu Văn T các bên đương sự và đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến về việc vắng mặt của những người trên, cùng nhất trí đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Giấy vay tiền giữa anh T và anh D quan hệ pháp luật phải giải quyết là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng pháp luật.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Anh Đào Văn D kháng cáo với nội dung không nhất trí toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân huyện V với lý do anh đã trả tiền cho anh T thông qua Chứng minh thư của anh A tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Y, cấp sơ thẩm buộc anh phải trả 200.000.000đ cho anh T anh không nhất trí, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại.

Xét thấy: Theo nội dung Giấy vay tiền ngày 11/01/2017, anh Cháng Xín T có cho anh Đào Văn D vay số tiền 200.000.000 đồng tại xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang, thời hạn vay là 01 năm không có lãi suất, đến ngày 11/01/2018 là hạn trả nợ nhưng anh D chưa trả được, ngày 22/3/2018 hai bên thỏa thuận gia hạn và anh D cam đoan sẽ trả cho anh T số tiền vay vào ngày 24/4/2018 nhưng đến nay anh D vẫn không trả cho anh T, giấy vay tiền do anh Đào Văn D tự viết và vẫn ghi lại phía dưới *Đạo Đức ngày 11/01/2017* (Bút lục 05). Do đó, anh T đã khởi kiện anh D tại Tòa án và yêu cầu anh D phải trả số tiền 200.000.000 đồng cho anh T và anh T không yêu cầu tính lãi suất. Tại các Biên bản ghi lời khai ngày 26/9/2018 (Bút lục 48-52), Biên bản đối chất ngày 23/10/2018 (Bút lục 58-60) các bên thừa nhận anh Cháng Xín T cho anh Đào Văn D vay số tiền 200.000.000đ và đã viết lại giấy vay tiền gia hạn đến ngày 24/4/2018 anh D có trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ anh T. Giấy vay tiền và nội dung khất nợ do anh D viết đã được hai bên thừa nhận, không có tranh chấp về giấy vay tiền và nội dung trên giấy vay tiền. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Việc anh Cháng Xín T cho anh Đào Văn D vay số tiền 200.000.000đ là có thật được hai bên thừa nhận; quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm anh D không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh đã trả số tiền 200.000.000đ cho anh T; do vậy cần buộc anh D phải có nghĩa vụ trả số tiền 200.000.000đ cho anh Cháng Xín T.

Anh D cho rằng ngày 11/5/2017, anh đã trả cho anh T số tiền 200.000.000 đồng chuyển qua số CMND của anh Nhè Văn A tại Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Y do anh T nhờ anh A nhận giúp, anh D không hề quen biết anh A, xét thấy: Anh T không thừa nhận việc nhờ anh Nhè Văn A nhận tiền giúp anh T và không được cung cấp số CMND của anh A cho anh D để anh D chuyển số tiền 200.000.000đ cho anh A. Về phía anh A cho rằng anh và anh D là bạn bè có quen biết nhau, ngày 11/5/2017 anh D có chuyển số tiền 200.000.000 đồng qua số CMND của anh nhưng số tiền này là khoản vay riêng giữa anh A và anh D từ tháng 11/2016, còn số tiền mà anh T và anh D vay với nhau không liên quan gì đến việc vay nợ giữa anh và anh D, hơn nữa anh không được anh T nhờ nhận giúp số tiền 200.000.000 đồng (Bút lục 48). Do đó, anh D cho rằng anh đã trả số tiền vay của anh T qua số CMND của anh A theo yêu cầu của anh T, anh D không quen biết anh A là không có căn cứ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 *"Bên vay tài sản là*

tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”, mặt khác nội dung giấy vay tiền giữa anh T và anh D có ghi *“Hôm nay ngày 11/01/2017, tôi Đào Văn D có vay của anh Cháng Xín T 200.000.000đ thời hạn vay 01 năm từ ngày 11/01/2017 đến ngày 11/01/2018 đến hôm nay ngày 22/3 tôi quá hạn nhưng chưa trả được tôi xin ra hạn thêm 01 tháng đến ngày 24/4/2018 tôi hoàn trả đầy đủ số tiền 200.000.000đ. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Như vậy, giấy vay tiền giữa anh T và anh D hai bên có thỏa thuận gia hạn là đến ngày 24/4/2018 mới phát sinh nghĩa vụ trả nợ, còn số tiền 200.000.000 đồng anh D chuyển qua số CMND của anh A là ngày 11/5/2017 trước ngày phát sinh nghĩa vụ trả nợ giữa hai bên; việc anh D cho rằng chuyển số tiền 200.000.000 đồng cho anh A để trả cho anh T là không có cơ sở, không phù hợp về thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoàn toàn mâu thuẫn với nội dung trên giấy vay tiền do anh D là người viết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã làm rõ nội dung ngày 11/5/2017 anh D chuyển cho anh A số tiền 200.000.000 đồng là khoản vay riêng giữa anh D và anh A vào khoảng tháng 11/2016 là giao dịch giữa hai bên không liên quan đến anh T, anh D không chứng minh được mình chuyển số tiền 200.000.000 đồng này qua số CMND của anh A để trả cho anh T và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thứ ba là anh Nhè Văn A, do vậy không có căn cứ để xem xét, giải quyết quyền và nghĩa vụ của người thứ ba là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Theo khoản 2 Điều 91 BLTTDS quy định *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và khoản 4 Điều 91 BLTTDS quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Tại phiên tòa phúc thẩm anh D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc trả nợ số tiền 200.000.000 đồng cho anh T qua số CMTND của anh A. Do đó, HĐXX không có căn cứ để xem xét nội dung kháng cáo của anh D.

Về nghĩa vụ trả nợ: Giữa anh T và anh D thực hiện giao dịch vay tiền hai bên có làm giấy vay tiền ghi số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng không thỏa thuận về lãi suất, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh T đề nghị anh D trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng, không tính lãi suất là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Đào Văn D phải có nghĩa vụ trả cho anh Cháng Xín T số tiền gốc là 200.000.000 đồng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đào Văn D đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án để anh yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều tra vụ việc giữa anh D, anh T và anh A, HĐXX xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định giao dịch vay tiền giữa anh T và anh D không liên quan đến khoản tiền anh D đã trả cho anh A; mặt khác đây

không phải là yêu cầu phản tố và cũng không thuộc các căn cứ quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu của anh D không được chấp nhận. Nếu anh D cho rằng anh không vay tiền anh A mà số tiền 200.000.000đ anh D chuyển trả cho anh T thông qua số CMTND của anh A thì anh D sẽ cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét về hành vi của anh A hoặc khởi kiện yêu cầu anh A phải trả cho anh D khoản tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đào Văn D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/ST-DS ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trong phần đầu của bản án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* nhưng phần Quyết định của bản án cấp sơ thẩm lại tuyên: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Đòi tài sản"* của anh Cháng Xín T là không đúng với quy định tại Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; cấp sơ thẩm tuyên buộc anh Đào Văn D, phải trả số tiền gốc cho anh T là 200.000.000 đồng, nhưng không tuyên về Hợp đồng vay tài sản giữa anh T và Anh D là hợp pháp là còn thiếu sót; mặt khác đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa cá nhân anh T với cá nhân anh D cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 471 BLDS năm 2015 quy định về Họ, Hụi, Biêu, Phường để giải quyết là chưa đúng. Do đó, cấp phúc thẩm cần tuyên lại cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Về phần tuyên lãi suất trong bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đối với khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án trong quá trình thi hành án đối với số tiền chưa thi hành của cấp sơ thẩm là phù hợp với tại thời điểm xét xử sơ thẩm; tuy nhiên, căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần phải tuyên lại phần lãi suất.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Đào Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Cháng Xín T được chấp nhận và yêu cầu kháng cáo của anh Đào Văn D không được chấp nhận nên anh Đào Văn D phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đào Văn D. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện V.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 38, Điều 91, Điều 95, khoản 1 Điều 148, Điều 286, 307, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cháng Xín T: Tuyên bố Hợp đồng vay tài sản giữa anh Cháng Xín T và anh Đào Văn D là hợp pháp.

- Buộc anh Đào Văn D, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang phải trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* cho anh Cháng Xín T (Cháng Văn T); Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, và có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Đào Văn D phải chịu 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; anh Cháng Xín T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại cho anh Cháng Xín T (Cháng Văn T) 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo Biên lại số BB/2013/01923 ngày 14/6/2018.

- Anh Đào Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo Biên lai số BB/2013/02137 ngày 28/12/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND huyện V;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Loan